

Số: 3326/CT-CS

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

V/v đề nghị miễn, giảm thuế cho nhà thầu theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Kính gửi: Thuế tỉnh Quảng Ninh.

Cục Thuế nhận được công văn số 557/QNI-QLDN2 ngày 06/02/2026 của Thuế tỉnh Quảng Ninh đề nghị hướng dẫn về việc xử lý hồ sơ miễn, giảm thuế nhà thầu theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Hiệp định thuế). Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về xác định đối tượng cư trú để áp dụng Hiệp định thuế

Căn cứ Khoản 1 Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế, đề nghị Thuế tỉnh Quảng Ninh rà soát (các) Giấy chứng nhận cư trú của từng nhà thầu nước ngoài (NTNN) để bảo đảm: đúng năm/giai đoạn phát sinh thu nhập đề nghị áp dụng Hiệp định, đầy đủ tính pháp lý (đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch thuật theo quy định, chứng thực hợp lệ). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ cần yêu cầu NTNN bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định trước khi xem xét áp dụng Hiệp định.

2. Về việc xác định người chủ sở hữu thực hưởng

Cơ quan thuế chỉ xem xét áp dụng giảm thuế theo Hiệp định thuế khi NTNN đã cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận cư trú hợp lệ và chứng minh được mình là chủ sở hữu thực hưởng của thu nhập đề nghị giảm thuế theo Hiệp định thuế.

Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3 Điều 6, Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính, người chủ sở hữu thực hưởng phải là đối tượng có quyền sở hữu và kiểm soát đối với thu nhập, tài sản, hoặc các quyền tạo ra thu nhập.

Trên cơ sở hồ sơ, hợp đồng và thông tin do Thuế tỉnh Quảng Ninh cung cấp, quyền sở hữu đối với sáng chế, công nghệ, thiết kế liên quan đến khoản thu nhập từ việc cấp quyền sử dụng sáng chế sản xuất sản phẩm gỗ/nhựa có sự tham gia của nhiều bên (Tập đoàn Shaw, Unilin, Flooring Industries, Välinge, ...), do đó, chưa có đủ cơ sở để xác định các NTNN là người chủ sở hữu thực hưởng của thu nhập đang đề nghị giảm thuế theo Hiệp định thuế. Đề nghị Thuế tỉnh Quảng Ninh yêu cầu các NTNN có liên quan (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) cung cấp bổ sung tài liệu chứng minh mình là chủ sở hữu thực hưởng tiền bản quyền đối với các sáng chế theo quy định của Hợp đồng cấp phép, dựa trên bản chất kinh tế. Trọng tâm gồm: (i) tài liệu pháp lý về quyền sở hữu và quyền cấp phép sáng chế; (ii) phân tích dòng tiền để xác định mức độ giữ lại lợi ích kinh tế; (iii) quyền kiểm

soát, định đoạt đối với việc khai thác và cấp phép lại; (iv) phân tích chức năng - tài sản - rủi ro; và (v) cấu trúc tập đoàn, giao dịch liên kết.

3. Về việc xác định bản chất khoản thu nhập

Trường hợp NTNN đáp ứng điều kiện về đối tượng cư trú và chủ sở hữu thực hưởng, đề nghị Thuế tỉnh Quảng Ninh tiếp tục rà soát, xác định bản chất khoản thu nhập các NTNN nhận được để áp dụng quy định tại (các) Điều khoản tương ứng của Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Bỉ/Thụy Điển.

Căn cứ quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Bỉ, mức thuế suất giảm 5% chỉ áp dụng đối với tiền bản quyền gắn với việc sử dụng hoặc quyền sử dụng phát minh hay yếu tố bí mật, hay chuyển giao tri thức kỹ thuật thực chất, không bao gồm mọi trường hợp chỉ cấp quyền sử dụng sáng chế đã được công bố. Trường hợp hợp đồng cấp phép sử dụng sáng chế mang bản chất là gói hỗn hợp (kèm thương hiệu, dịch vụ kỹ thuật, hỗ trợ vận hành), hoặc chỉ cho phép khai thác quyền sử dụng mà không chuyển giao bí quyết cốt lõi, khi đó, khoản thanh toán tiền bản quyền từ việc cấp quyền sử dụng sáng chế mà Công ty I4F và Công ty Unilin nhận được không đáp ứng đúng bản chất của nhóm 5%, và phải được phân loại sang các nhóm khác với mức 10% hoặc 15% tùy bản chất của việc cấp phép sử dụng sáng chế.

Căn cứ Khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Thụy Điển, quy định mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ tiền bản quyền theo nguyên tắc chung, mức thuế suất giảm 5% là ngoại lệ và có điều kiện chặt chẽ, chỉ áp dụng khi tiền bản quyền được trả liên quan đến bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, hay việc chuyển giao bí quyết công nghệ... Trong trường hợp cấp quyền sử dụng sáng chế để sản xuất sản gỗ/nhựa của Công ty Välinge, nếu không chứng minh được yếu tố chuyển giao công nghệ thực chất, khoản thanh toán tiền bản quyền từ việc cấp quyền sử dụng sáng chế mà Công ty Välinge nhận được phải áp dụng mức thuế suất 15%, thay vì mức thuế suất ưu đãi thấp hơn (5%).

4. Về việc xác định cơ sở thường trú

Căn cứ quy định tại Khoản 3.b) Điều 5 của Hiệp định thuế giữa Việt Nam - Bỉ và Khoản 4 Điều 5 của Hiệp định thuế giữa Việt Nam - Thụy Điển về cơ sở thường trú cung cấp dịch vụ, 03 NTNN (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) đã và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho Công ty Lioncore và Công ty ANZ liên quan đến việc thực hiện (các) Hợp đồng cấp phép quyền sử dụng Sáng chế sản xuất sản gỗ/nhựa, các dịch vụ được thực hiện cả trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, các hợp đồng giữa 03 NTNN trên với Công ty Lioncore và Công ty ANZ đều có thời hạn trên 6 tháng nên việc thực hiện (các) Hợp đồng cấp phép quyền sử dụng Sáng chế với Công ty Lioncore và Công ty ANZ đã tạo thành cơ sở thường trú của 03 NTNN (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) tại Việt Nam.

Theo đó, 03 NTNN (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) có nghĩa vụ nộp thuế TNDN tại Việt Nam đối với thu nhập thu được từ việc thực hiện (các) Hợp đồng cấp phép quyền sử dụng Sáng chế với Công ty Lioncore và Công ty ANZ theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Hiệp định thuế.

Căn cứ quy định tại Khoản 4, Điều 12 (Tiền bản quyền) của Hiệp định thuế giữa Việt Nam - Bỉ và Việt Nam - Thụy Điển, do thu nhập từ tiền bản quyền 03 NTNN (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) thu được có liên quan đến một cơ sở thường trú mà 3 NTNN này có tại Việt Nam nên các quy định tại Điều 12 (Tiền bản quyền) sẽ không được áp dụng đối với trường hợp của 3 NTNN – *hay không cần đặt vấn đề phân loại tiền bản quyền mà 3 NTNN (gồm Công ty I4F, Công ty Unilin và Công ty Välinge) nhận được có được áp dụng mức thuế suất giảm theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 của Hiệp định thuế hay không.* Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 của Hiệp định thuế sẽ được áp dụng.

5. Về quy định chống lạm dụng Hiệp định

Mặc dù Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Bỉ/Thụy Điển không quy định về thời hạn nộp hồ sơ đề nghị áp dụng Hiệp định, tuy nhiên theo hướng dẫn của OECD và kinh nghiệm quốc tế, các quốc gia ký kết Hiệp định thuế có trách nhiệm ban hành và duy trì các quy định nội luật nhằm ngăn ngừa việc lợi dụng Hiệp định. Do đó, việc Thuế tỉnh Quảng Ninh từ chối xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng Hiệp định đối với khoản thuế phát sinh quá thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính là phù hợp với quy định của pháp luật thuế Việt Nam và không trái với Hiệp định thuế.

6. Về việc xử phạt vi phạm hành chính

Hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần không phải là hồ sơ khai thuế theo quy định tại Điều 43 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Do đó, việc chậm nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần không phải hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Đề nghị Thuế tỉnh Quảng Ninh căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành và đối chiếu hồ sơ thực tế để hướng dẫn người nộp thuế thực hiện theo quy định.

Cục Thuế thông báo đề Thuế tỉnh Quảng Ninh biết và thực hiện./. *Ng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng Mai Xuân Thành (để b/c);
- Phó Cục trưởng Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Các Ban: PC, KTr;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, CS.

6 *Ng*

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN BAN CHÍNH SÁCH,
THUẾ QUỐC TẾ**



Nguyễn Thị Thanh Hằng